SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:340/QĐ-BVN

Gia Lai, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán năm 2023 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-SYT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3058/STC-HCSN ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc điều chỉnh dự toán năm 2023 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu về việc điều chỉnh dự toán năm 2023 (thu hồi kinh phí tiết kiệm trong mua sắm) của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tổ chức - Hành chính Quản trị, phòng Tài chính - Kế toán và các khoa phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Sở Y tế;
- Đăng Website bệnh viện;
- Lưu :VT, TC-KT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN NHI TỈNH GIA LAI

Đặng Hữu Chiến

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN NHI

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG NĂM 2023
(THU HỒI KINH PHÍ TIẾT KIỆM NĂM 2023)

(Kèm theo Quyết định số 340/QĐ-BV N ngày01/ 11 /2023 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai.)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	***-640,470***
I	**Số thu phí, lệ phí**	**0,000**
1	**Lệ phí**	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	**Viện phí**	**0,000**
	Viện phí trực tiếp	
	Bảo hiểm y tế	
3	**Thu khác**	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp y tế***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**0,000**
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	**Viện phí**	
	Viện phí trực tiếp	
	Bảo hiểm y tế	
3	**Thu khác**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-640,470**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	-640,470
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**-640,470**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-640,470
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**0,000**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**0,000**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Gia Lai, ngày 01 tháng 11 năm 2023

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hoài Thu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN NHI

Đặng Hữu Chiến

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:340/QĐ-BVN

Gia Lai, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán năm 2023 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-SYT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3058/STC-HCSN ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc điều chỉnh dự toán năm 2023 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu về việc điều chỉnh dự toán năm 2023 (thu hồi kinh phí tiết kiệm trong mua sắm) của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tổ chức - Hành chính Quản trị, phòng Tài chính - Kế toán và các khoa phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Sở Y tế;
- Đăng Website bệnh viện;
- Lưu :VT, TC-KT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN NHI TỈNH GIA LAI

Đặng Hữu Chiến

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN NHI

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG NĂM 2023
(THU HỒI KINH PHÍ TIẾT KIỆM NĂM 2023)

(Kèm theo Quyết định số 340/QĐ-BV N ngày01/ 11 /2023 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai.)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	***-640,470***
I	**Số thu phí, lệ phí**	**0,000**
1	**Lệ phí**	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	**Viện phí**	**0,000**
	Viện phí trực tiếp	
	Bảo hiểm y tế	
3	**Thu khác**	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp y tế***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**0,000**
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	**Viện phí**	
	Viện phí trực tiếp	
	Bảo hiểm y tế	
3	**Thu khác**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-640,470**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	-640,470
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**-640,470**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-640,470
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**0,000**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**0,000**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Gia Lai, ngày 01 tháng 11 năm 20

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hoài Thu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NHI TỈNH GIA LAI

Đặng Hữu Chiến

UBND TỈNH GIA LAI **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3508 /STC-HCSN V/v điều chỉnh dự toán năm 2023 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế	*Gia Lai, ngày 23 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi: Sở Y tế.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Gia Lai V/v giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh;

Căn cứ Công văn số 4363/STC-HCSN ngày 28/12/2022 của Sở Tài chính V/v thông báo phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 đối với Sở Y tế;

Sau khi xem xét đề xuất của Sở Y tế tại Công văn số 3612/SYT-KHTC ngày 10/10/2023 V/v xin ý kiến sử dụng kinh phí thuộc dự toán 2023 tiết kiệm được trong quá trình thực hiện, điều chuyển cho đơn vị khác có nhu cầu và Công văn số 3620/SYT-KHTC ngày 11/10/2023 V/v xin ý kiến mua sắm bổ sung 01 danh mục trang thiết bị từ nguồn kinh phí cấp chi không thường xuyên năm 2023 cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Theo đó, Sở Y tế đề nghị điều chỉnh giảm dự toán của các nhiệm vụ chi tại một số đơn vị trực thuộc số tiền **9.879.527.757 đồng**[1] để điều chỉnh bổ sung dự toán cho một số đơn vị để thực hiện cần thiết, cấp bách phục vụ công tác khám, chữa bệnh[2].

Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Căn cứ Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Điều 9 Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định việc điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách; Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế, để đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả dự toán đã giao năm 2023, đồng thời, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của các Bệnh viện, Sở Tài chính thống nhất việc điều chỉnh dự toán theo đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 3612/SYT-KHTC ngày 10/10/2023 và Công văn số 3620/SYT-KHTC ngày 11/10/2023, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế số tiền **9.879.525.000 đồng** *(có biểu chi tiết kèm theo)*.

---

[1] Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế số tiền **3.123.233.290 đồng**; kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất số tiền **4.394.924.418 đồng**; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi khác như: Chương trình y tế - dân số, Hỗ trợ phụ nữ sinh con đúng chính sách, Sự nghiệp ngành y tế,... số tiền **2.361.370.049 đồng**.

[2] Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa tỉnh số tiền **7.879.527.757 đồng**; kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất của: Trung tâm Y tế thành phố Pleiku số tiền **1.000.000.000 đồng**, Trung tâm y tế huyện Chư Păh số tiền **1.000.000.000 đồng**.

- Điều chỉnh bổ sung dự toán số tiền **9.879.525.000 đồng** cho các đơn vị để sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Cụ thể:

+ Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất của Trung tâm Y tế thành phố Pleiku: ***1.000.000.000 đồng***.

+ Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất của Trung tâm y tế huyện Chư Păh: ***1.000.000.000 đồng***.

+ Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa tỉnh: ***7.879.525.000 đồng***.

Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật về đấu thầu; quản lý, sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng chế độ và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Sở Tài chính có ý kiến gửi Sở Y tế để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các Phó Giám đốc Sở (biết);
- Lưu: VT, HCSN.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH GIA LAI

Nguyễn Anh Dũng

Số: 3508/STC-HCSN
Thời gian ký: 23/10/2023 13:27:27 +07:00

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ

(Kèm theo Công văn số: 3508/STC-HCSN ngày 23/10/2023 của Sở Tài chính)

ĐVT: đồng

STT	Nhiệm vụ chi/Đơn vị	Dự toán điều chỉnh giảm của các đơn vị			
		Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế	Kinh phí sửa chưa cơ sở vật chất	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khác (CTMT Y tế-dân số; Sự nghiệp ngành; Chi xử phạt hành chính; Đảm bảo ATVSTP; Hỗ trợ phụ nữ sinh con đúng chính sách theo NĐ 39/2015/NĐ-CP,...)	Tổng cộng
	TỔNG CỘNG	**3.123.233.000**	**4.394.924.000**	**2.361.368.000**	**9.879.525.000**
1	Văn phòng Sở Y tế			503.865.000	503.865.000
2	Chi cục ATTP			94.061.000	94.061.000
3	Bệnh viện đa khoa tỉnh	2.383.982.000			2.383.982.000
4	Bệnh viện YDCT & PHCN tỉnh		1.661.092.000		1.661.092.000
5	Bệnh viện lao và bệnh phổi		674.000.000	850.503.000	1.524.503.000
6	Trung tâm kiểm soát bệnh tật			93.500.000	93.500.000
7	Trung tâm Y tế thành phố Pleiku		75.284.000		75.284.000
8	Trung tâm Y tế Đức Cơ			50.000.000	50.000.000
9	Trung tâm y tế thị xã An Khê		301.401.000		301.401.000
10	Trung tâm y tế Ayun Pa	13.466.000	452.375.000		465.841.000
11	Trung tâm y tế huyện Chư Păh			40.000.000	40.000.000
12	Trung tâm y tế huyện Đăk Pơ	15.000.000	7.000.000	16.000.000	38.000.000
13	Trung tâm y tế huyện Kong Chro		60.540.000	5.768.000	66.308.000
14	Trung tâm y tế huyện Phú Thiện	10.376.000	1.067.578.000	217.287.000	1.295.241.000
15	Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai	640.470.000			640.470.000
16	Trung tâm Y tê huyện Chư Prông			80.000.000	80.000.000
17	Trung tâm Y tê huyện Mang Yang			192.920.000	192.920.000
18	Trung tâm Y tê huyện Krông Pa		66.955.000		66.955.000
19	Trung tâm Y tế huyện Ia Grai	41.916.000	20.599.000		62.515.000
20	Trung tâm Y tế huyện Ia Pa	18.023.000	8.100.000		26.123.000
21	Chi cục Dân số KHHGĐ			80.000.000	80.000.000
22	Trung tâm Y tế huyện Kbang			137.464.000	137.464.000